

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-12-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám.

Bà Đặng Thị Tiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 170/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn L, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố N, phường N, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị với anh Đặng Văn L tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2012. Chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh L không lo làm để phụ chị nuôi con mà còn thường xuyên ăn chơi, cờ bạc rồi về nhà kiếm chuyện chửi mắng chị làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vì con chị luôn nhường nhịn anh L và khuyên anh L đừng cờ bạc nữa để vợ chồng cùng nhau nuôi con, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L ngày càng ăn chơi, cờ bạc nhiều hơn làm cho mâu thuẫn ngày càng gay gắt, vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn 05 năm nay. Nhận thấy không thể nào hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị xin ly hôn với anh L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Minh N, sinh ngày 01/12/2012, hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung,

yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản - nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Đặng Văn L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn anh Đặng Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị H với anh Đặng Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 132/2012, quyển số 01/2012 vào ngày 20/7/2012, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ vợ chồng giữa chị H với anh L đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị H trình bày chị với anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh L không lo làm để phụ chị nuôi con mà còn thường xuyên ăn chơi, cờ bạc rồi về nhà kiếm chuyện chửi mắng chị làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vì con chị luôn nhường nhịn anh L và khuyên anh L đừng cờ bạc nữa để vợ chồng cùng nhau nuôi con, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L ngày càng ăn chơi, cờ bạc nhiều hơn làm cho mâu thuẫn ngày càng gay gắt, vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn 05 năm. Riêng đối với anh Đặng Văn L, từ khi được Tòa án thông báo về việc chị H ly hôn anh vẫn bỏ mặc không có ý kiến gì, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị H nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H với anh L thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Đặng Minh N, sinh ngày 01/12/2012, hiện đang sống với chị. Ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ khi ly hôn chị H và anh L sống ly thân thì con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt, tại bản tự khai cháu Nhựt cũng có nguyện vọng sống chung với chị H khi chị H và anh L ly hôn. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao con chung cho chị H

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu anh Đặng Văn L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, anh Đặng Văn L không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu để cháu Đặng Minh N được phát triển bình thường cần buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày không có, còn anh Đặng Văn L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh Đặng Văn L phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đặng Văn L.

2. Về con: Giao con chung tên Đặng Minh N, sinh ngày 01/12/2012 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc nuôi dưỡng. Buộc anh Đặng Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Minh N mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nhựt đủ 18 tuổi.

Anh Đặng Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0007025 ngày 04/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

Anh Đặng Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTXCai Lậy;
- CCTHADSTXCai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTXCai Lậy;
- CCTHADSTXCai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

‘

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, TG
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Thị Hằng Ni

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 01 tháng 12 năm 2021.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám.

Bà Đặng Thị Tiềm.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc: “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Đặng Văn L, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố N, phường N, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đặng Văn L.

2. Về con: Giao con chung tên Đặng Minh N, sinh ngày 01/12/2012 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc nuôi dưỡng. Buộc anh Đặng Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Minh N mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nhựt đủ 18 tuổi.

Anh Đặng Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007025 ngày 04/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

Anh Đặng Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 01 tháng 12 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)